

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VĨNH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-ST

Ngày: 06/7/2022

*V/v Tranh chấp hợp  
đồng mua bán tài sản*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH**  
**SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vũ Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Sơn Khem.

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 219/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2022/QĐST-DS ngày 20/6/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Duy M, sinh năm: 1985; (Chủ hộ kinh doanh Thành L).

Địa chỉ: Số nhà R, khóm T N, phường K H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M:* Chị Trần Diễm M, sinh năm 1996; (Văn bản ủy quyền lập ngày 29/6/2021). Chị M có mặt.

Địa chỉ: Số nhà R, khóm T N, phường K H, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

**2. Bị đơn:**

**2.1.** Ông Mai Văn T, sinh năm 1973; (có mặt).

**2.2.** Bà Đào Thị L, sinh năm 1979; (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm B D, phường V P, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 29/6/2021 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Diễm M trình bày:*

Từ năm 2018 đến năm 2019, ông Nguyễn Duy M (Chủ hộ kinh doanh Thành L), có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm do Công ty Việt H sản xuất và thuốc

thủy sản với vợ chồng ông Mai Văn T và bà Đào Thị L. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm vợ chồng ông Mai Văn T và bà Đào Thị L không thực hiện nghĩa vụ thanh nợ như đã thỏa thuận. Vào ngày 03/10/2020 hai bên đối chiếu nợ, vợ chồng ông Mai Văn T và bà Đào Thị L còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của ông Nguyễn Duy M với số tiền là 137.635.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc các bị đơn ông Mai Văn T và bà Đào Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ nêu trên là 137.635.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán nợ.

*Tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Văn T trình bày:*

Ông Mai Văn T thống nhất với nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M và thừa nhận còn nợ tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông Nguyễn Duy M với số tiền là 137.635.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Do nuôi tôm thất bại, nên không có tiền trả cho ông Nguyễn Duy M như đã thỏa thuận.

*Đối với bị đơn bà Đào Thị L:*

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập họp lệ đối với bà Đào Thị L, nhưng bà L vắng mặt và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho bà Đào Thị L biết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Duy M khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông Mai Văn T và bà Đào Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản với số tiền là 137.635.000 đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thu xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa: Bị đơn bà Đào Thị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Đào Thị L theo quy định của pháp luật.

#### **Về nội dung:**

[1] Từ năm 2018 đến năm 2019, vợ chồng ông Mai Văn T và bà Đào Thị L có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông Nguyễn Duy M và tính đến ngày 03/10/2020 còn nợ với số tiền là 137.635.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Việc hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa ông Nguyễn Duy M với ông Mai Văn T và bà Đào Thị L gồm có: Hợp đồng mua bán lập ngày 09/5/2018 và ngày 17/5/2019; Sổ giao nhận hàng và đối chiếu nợ. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn ông Nguyễn Duy M không cần phải chứng minh.

[2] Về lãi suất chậm trả: Nguyên đơn ông Nguyễn Duy M không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào các Điều 430; 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M. Buộc các bị đơn ông Mai Văn T và bà Đào Thị L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông Nguyễn Duy M với số tiền là 137.635.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M được chấp nhận, nên các bị đơn ông Mai Văn T và bà Đào Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 144, 146, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 288; Điều 430; 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M.

Buộc các bị đơn ông Mai Văn T và bà Đào Thị L có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông Nguyễn Duy M số tiền là 137.635.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Duy M có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Mai Văn T và bà Đào Thị L còn phải liên đới trả lãi cho ông Nguyễn Duy M theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Mai Văn T và bà Đào Thị L phải liên đới chịu là 6.881.750 đồng (Sáu triệu tám trăm tám mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Nguyên đơn ông Nguyễn Duy M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Duy M tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp với số tiền là 3.440.000 đồng (Ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002195 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

**Nơi nhận:**

- VKSND TXVC;
- THADS TXVC;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Vũ Phương**